

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (88) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

**Tạp chí Khoa học xã hội
miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Duy Thụy - Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trần Minh Đức - Phó Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

GS.TS. Nguyễn Hữu Minh

Hội Xã hội học Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Thanh Tâm

EM Normandie Business School – Cộng hòa Pháp

TS. Trần Thị Sáu

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

TS. Lê Xuân Thông

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phạm Thị Xuân Nga

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trịnh Thị Thu

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phan Thị Sông Thương

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lương Tình

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lại Thị Vân

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trương Thị Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh

ThS. Châu Ngọc Hoà

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

Mục lục

1. Từ địa kinh tế đến địa chính trị: BRI và những ranh giới mong manh trong hợp tác toàn cầu ... 3
Nguyễn Hùng Vương, Đỗ Thị Xuân Hiền
2. Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông..... 13
Đặng Minh Đức
3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực22
Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
4. Phòng, chống lãng phí trong lĩnh vực kinh tế góp phần đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới31
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
5. Đổi mới quản lý nguồn nhân lực khu vực công tại Việt Nam: Thực trạng và đề xuất giải pháp theo hướng quản trị hiện đại.....38
Chữ Đức Hoàng, Đàm Thị Hiền, Bùi Minh Chuyên
6. Phát triển bền vững du lịch vùng biên giới trong bối cảnh mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.....47
Hoàng Hồng Hiệp, Tống Thị Hải Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền
7. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam57
Nguyễn Dũng Anh
8. Nghiên cứu tác động của việc thực thi trách nhiệm xã hội đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các cơ sở lưu trú cao cấp ở Khánh Hòa66
Lê Trần Phúc, Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Huỳnh Cát Duyên
9. Mô hình tích hợp du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ tại Hội An: Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững.....77
Võ Hữu Hòa
10. Phân tích ý định hành vi chia sẻ tri thức – Trường hợp đội ngũ giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng 84
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Phanith Silavy
11. Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi.....93
Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến
12. Phát huy Bài Chòi trong không gian đô thị Nam Trung Bộ..... 101
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
13. Vai trò của Phật giáo Đà Nẵng (xứ Quảng) trong đời sống xã hội giai đoạn thế kỉ XVII - XIX109
Lê Xuân Thông
14. Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông..... 119
Vũ Tiến Đức
15. Tái cấu trúc giá trị di sản nhà dài truyền thống của người Ê Đê phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Đắk Lắk..... 130
Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Vũ Minh
16. Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã..... 137
Phạm Thị Xuân Nga
17. Khai thác văn hóa Chăm để phát triển du lịch: Trường hợp các homestay ở Ninh Phước - Ninh Thuận .. 144
Châu Nữ Hoàng Yến, Đồng Thành Danh

Contents

1. From geoeconomics to geopolitics: the BRI and the fragile boundaries of global cooperation	3
Nguyen Hung Vuong, Do Thi Xuan Hien	
2. Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion.....	13
Dang Minh Duc	
3. U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 – 2024 from a Realist Perspective.....	22
Le Thi Phuong Loan, Bach Thai Hien	
4. Preventing economic waste to boost Vietnam's strong advancement into a new era.....	31
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy	
5. Innovating public sector human resource management in Vietnam: Current situation and policy recommendations towards modern governance	38
Chu Duc Hoang, Dam Thi Hien, Bui Minh Chuyen	
6. Sustainable tourism development in Quảng Trị's border region in the new context: A case study of the former Hướng Hóa district.....	47
Hoang Hong Hiep, Tong Thi Hai Hanh, Nguyen Thi Thanh Huyen	
7. Đà Nẵng city's promotion of the development of science, technology, innovation, and digital transformation towards the Era of Nation's Rise.....	57
Nguyen Dung Anh	
8. Examining the Impact of implementing Corporate Social Responsibility on Employee Work Engagement in Luxury Accommodations in Khánh Hòa.....	66
Le Tran Phuc, Doan Nguyen Khanh Tran, Huynh Cat Duyen	
9. The integrated model of ecotourism and organic agriculture in Hoi An: Potentials and sustainable development solutions.....	77
Vo Huu Hoa	
10. An analysis of the knowledge sharing behavioral intentions: A case study of lecturers at the University of Danang.....	84
Pham Quang Tin, Nguyen Thi Thanh Nhan, Phanith Silavy	
11. Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngai Province	93
Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen	
12. Promoting Bài Chòi in the urban contexts of the South Central Coast Region.....	101
Nguyen Thi Thanh Xuyen	
13. The Role of Buddhism in Da Nang (the Quang Region) in Social Life in the 17th–19th centuries.....	109
Le Xuan Thong	
14. Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province	119
Vu Tien Duc	
15. Restructuring the Heritage Value of the Ê Đê's Traditional Longhouses for Tourism Development in Đắk Lắk Province	130
Nguyen Van Manh, Nguyen Vu Minh	
16. Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã.....	137
Pham Thi Xuan Nga	
17. Exploiting Chăm culture for tourism development: The case of homestays in Ninh Phước - Ninh Thuận.....	144
Chau Nu Hoang Yen, Dong Thanh Danh	

Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông

Đăng Minh Đức

Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ

Email liên hệ: minhduc_ies@yahoo.com

Tóm tắt: Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) đang nổi lên như một trọng tâm mới trong cạnh tranh địa chiến lược giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu (EU) những năm gần đây. Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng thông qua Sáng kiến Hợp tác Lan Thương – Mê Kông và các dự án hạ tầng quy mô lớn, trong khi EU tập trung vào hợp tác phát triển bền vững, thúc đẩy quản trị tốt và quyền con người. Sự khác biệt giữa “sức mạnh cứng” của Trung Quốc và “sức mạnh mềm” của EU được phân tích cùng tác động đối với các quốc gia hạ nguồn như Lào, Campuchia, Việt Nam, Thái Lan và Myanmar. Bài viết này đánh giá chiến lược và cách tiếp cận của Trung Quốc và EU tại khu vực tiểu vùng sông Mê Kông.

Từ khóa: Cạnh tranh, địa chiến lược, phát triển bền vững, hợp tác, tiểu vùng sông Mê Kông, Trung Quốc, EU

Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion

Abstract: The Greater Mekong Subregion (GMS) has recently emerged as a new focal point of geostrategic competition between China and the European Union (EU). China has expanded its influence through the Lancang-Mekong Cooperation initiative and large-scale infrastructure projects, whereas the EU has prioritized sustainable development cooperation, the promotion of good governance, and human rights. This article analyzes the divergence between China's “hard power” approach and the EU's “soft power” strategy, and assesses their impacts on downstream countries, including Laos, Cambodia, Vietnam, Thailand, and Myanmar. It offers a comprehensive evaluation of the strategies and approaches adopted by China and the EU in the Greater Mekong Subregion.

Keywords: Competition, geostrategy, sustainable development, cooperation, Greater Mekong Subregion, China, EU.

Ngày nhận bài: 27/4/2025; **Ngày phản biện:** 10/5/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/8/2025

1. Đặt vấn đề

Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS), với dân số hơn 240 triệu người, tạo nên một thị trường và lực lượng lao động đáng kể (Jensen và cộng sự, 2023) đang trở thành một khu vực động lực về tăng trưởng kinh tế và kết nối khu vực. Tiểu vùng sông Mê Kông đóng vai trò như cầu nối đất liền giữa Trung Quốc, Đông Nam Á và Ấn Độ Dương. Nơi đây đang trở thành điểm giao thoa của nhiều sáng kiến địa chính trị như Sáng kiến Vành đai - Con đường (BRI), Hợp tác Mê Kông - Hoa Kỳ, Hợp tác Lan Thương - Mê Kông, ... Khu vực này sở hữu nguồn nước và tài nguyên phong phú, nhưng đồng thời cũng đang đối mặt với nhiều thách thức về phát triển kinh tế, hạ tầng, môi trường và phát triển bền vững.

Sự cạnh tranh địa chính trị giữa Liên minh châu Âu và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông là một hiện tượng phức tạp và đa chiều, mang lại cả cơ hội và thách thức cho khu vực. Trung Quốc, với sức mạnh kinh tế ngày càng tăng và sáng kiến BRI, đã trở thành một nhân tố chi phối trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và thương mại tại GMS. Trong khi đó, EU, với cách tiếp cận dựa trên các giá trị và tiêu chuẩn cao hơn, đang nỗ lực tăng cường vai trò của mình như một đối tác phát triển bền vững và đáng tin cậy.

2. Tầm quan trọng của tiểu vùng sông Mê Kông

Tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm năm quốc gia nằm dọc hạ lưu sông Mê Kông: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar, thường được gọi là các nước Mekong hạ nguồn. Khu vực này nằm trên bán đảo Đông Dương, giáp Trung Quốc ở phía thượng nguồn (sông Mekong được gọi là

sông Lan Thương ở đoạn chảy qua Vân Nam, Trung Quốc) và đổ ra Biển Đông tại đồng bằng sông Cửu Long (Việt Nam). Với vị trí nằm giữa Đông Nam Á lục địa, tiểu vùng sông Mê Kông là cầu nối quan trọng gắn kết Trung Quốc với Đông Nam Á và là trung điểm kết nối Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương trên đất liền⁽¹⁾. Các quốc gia này đều là thành viên ASEAN, trong đó có những nền kinh tế đang nổi bật như Việt Nam và Thái Lan và những nước kém phát triển hơn như Lào, Campuchia, Myanmar, tạo nên bức tranh đa dạng về trình độ phát triển và thể chế chính trị trong tiểu vùng.

Tiểu vùng sông Mê Kông có vai trò chiến lược quan trọng cả về kinh tế lẫn địa chính trị. Về kinh tế, khu vực này sở hữu nguồn tài nguyên phong phú (đất nông nghiệp màu mỡ, trữ lượng thủy điện lớn và ngư trường nước ngọt dồi dào) cũng như tiềm năng to lớn về phát triển hạ tầng kết nối. Sông Mê Kông được ví như “trục xương sống” của khu vực, hỗ trợ sinh kế cho hàng triệu người và tạo thuận lợi cho giao thương nội vùng. Các nền kinh tế Mê Kông có tốc độ tăng trưởng khá cao trong thập kỷ qua và đang tăng cường liên kết với nhau thông qua các hành lang kinh tế trên bộ và đường sông. Tiểu vùng sông Mê Kông vì thế được coi là điểm nút của sáng kiến “Vành đai, Con đường” do Trung Quốc khởi xướng, đồng thời cũng nằm trong tầm ngắm của các chiến lược kết nối khác của Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và EU.

Về địa chính trị, tiểu vùng sông Mê Kông ngày càng thu hút sự can dự của nhiều cường quốc, trở thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng mới ở châu Á. Sau nhiều thập kỷ ít được chú ý, vùng hạ lưu sông Mê Kông gần đây nổi lên là tiêu điểm trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ và đồng minh, đồng thời Trung Quốc cũng đẩy mạnh sự hiện diện để củng cố ảnh hưởng lịch sử của mình (Jensen và cộng sự, 2023). Không chỉ Hoa Kỳ và Trung Quốc, mà Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và Liên minh châu Âu đều tăng cường hợp tác và đầu tư vào tiểu vùng này (SEI, 2022). Sở dĩ tiểu vùng sông Mê Kông được quan tâm đặc biệt vì nó hội tụ nhiều yếu tố chiến lược. Tiểu vùng sông Mê Kông nằm gần các tuyến đường biển huyết mạch, tiếp giáp Trung Quốc, có tiềm năng phát triển kinh tế cao, và ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định của Đông Nam Á lục địa. Sự cạnh tranh và can dự của các nước lớn tại đây vì vậy sẽ định hình tương lai cấu trúc an ninh và trật tự khu vực trên đất liền lẫn trên biển.

Bên cạnh tiềm năng, tiểu vùng sông Mê Kông cũng đang đối mặt với hàng loạt thách thức đan xen về chính trị, kinh tế và môi trường. Về chính trị, sự khác biệt thể chế giữa các nước đã tạo môi trường không đồng đều. Bất ổn chính trị ở một số quốc gia, với sự cô lập của các nước phương Tây đã tác động tiêu cực đến hợp tác tiểu vùng. Vấn đề chủ quyền và quản lý nguồn nước sông Mê Kông cũng nổi lên như một vấn đề nhạy cảm giữa các chính phủ hạ nguồn với Trung Quốc và giữa chính các nước hạ nguồn với nhau, cần đòi hỏi đối thoại chính trị thường xuyên.

Về kinh tế, mặc dù tăng trưởng khá cao nhưng các nước tiểu vùng sông Mê Kông vẫn đối mặt với bài toán phát triển bền vững và thu hẹp khoảng cách. Cơ sở hạ tầng tại nhiều nơi còn thiếu và yếu, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Các nền kinh tế như Campuchia, Lào phụ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài và tài trợ phát triển. Nợ công tăng cao, đặc biệt là nợ vay từ các dự án do Trung Quốc tài trợ, dấy lên lo ngại về bẫy nợ và tính độc lập kinh tế của các nước nhỏ (Figiaconi, 2020). Bên cạnh đó, việc hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các FTA như RCEP hay các hiệp định thương mại với EU đòi hỏi các nước cải thiện năng lực cạnh tranh và thể chế, nếu không sẽ tụt hậu.

Nghiêm trọng nhất là các thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu. Sông Mê Kông hiện là một trong những lưu vực sông chịu áp lực lớn nhất thế giới do chuỗi các đập thủy điện thượng nguồn và hạ nguồn, cùng với tác động của biến đổi khí hậu như nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng, thời tiết cực đoan... Việc Trung Quốc xây dựng 12 đập thủy điện trên dòng chính Lan Thương và hàng chục đập khác trên phụ lưu (Hoang, 2022), cùng với Lào và Campuchia cũng phát triển nhiều đập hạ lưu, đã làm giảm đáng kể lượng phù sa và lưu lượng nước về Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy các đập của Trung Quốc, đặc biệt là Cảnh Hồng, Nọa Trát Độ có khả năng trữ tới 50% lượng nước khả dụng của cả lưu vực. Hiện tượng giữ nước mùa lũ và xả nước mùa khô từ các đập này khiến dòng chảy biến đổi bất thường, gây ra hạn hán nghiêm trọng vào mùa khô và lũ lụt bất thường vào mùa mưa ở hạ lưu. Lượng phù sa về đồng bằng đã giảm khoảng 30% và có thể giảm tới 97% nếu tất cả các đập quy hoạch được xây dựng đầy đủ (Phạm Xuân Dũng, 2025). Điều này đe dọa nghiêm trọng đến độ phì nhiêu của đất, làm xói lở bờ

sông, xâm nhập mặn sâu hơn và suy giảm sản lượng thủy sản. Việt Nam ước tính có thể mất 30% sản lượng đánh bắt cá nội địa vào năm 2040 (Phạm Xuân Dũng, 2025). Bên cạnh đó, hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng khiến khu vực thường xuyên hứng chịu hạn hán kéo dài xen kẽ lũ lụt, tác động tiêu cực tới an ninh lương thực và đời sống của hàng chục triệu dân.

3. Chiến lược của Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông

Nhằm củng cố vai trò dẫn dắt tại tiểu vùng Mê Kông, Trung Quốc đã khởi xướng Sáng kiến Hợp tác Lan Thương – Mê Kông (Lancang-Mekong Cooperation – LMC) vào năm 2016. Đây là cơ chế hợp tác đa phương do Trung Quốc dẫn dắt, bao gồm Trung Quốc (thượng nguồn) và 5 quốc gia hạ nguồn Mê Kông. Sáng kiến LMC được Thủ tướng Lý Khắc Cường đề xuất lần đầu năm 2014 và nhanh chóng hình thành với hội nghị ngoại trưởng đầu tiên năm 2015, hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất tổ chức tại Tam Á, Trung Quốc vào năm 2016 (Hoang, 2022). Mục tiêu công khai của LMC là thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trong khu vực, thu hẹp khoảng cách phát triển và hỗ trợ các nước hạ nguồn đạt được mục tiêu phát triển bền vững (Hoang, 2022). LMC đề ra 5 lĩnh vực hợp tác chính: kết nối hạ tầng, sản xuất năng lượng, hợp tác kinh tế qua biên giới, quản lý nguồn nước và nông nghiệp, giảm nghèo. Với khẩu hiệu “cùng chung dòng sông, cùng chung tương lai”, Trung Quốc muốn định vị LMC như một nền tảng hợp tác toàn diện cho tiểu vùng, thay thế dần vai trò của các cơ chế do phương Tây và ASEAN dẫn dắt trước đây.

Về thực chất, LMC phục vụ chiến lược “ngoại giao nước” chủ động hơn của Trung Quốc đối với sông Mê Kông. Trước đó, Trung Quốc chỉ là đối tác đối thoại của Ủy hội sông Mê Kông (MRC) và thường bị chỉ trích thiếu minh bạch về vận hành các đập thủy điện thượng nguồn. Nay thông qua LMC, Trung Quốc thiết lập một diễn đàn riêng, nơi họ giữ vai trò trung tâm và đặt ra quy tắc hợp tác. Cơ chế LMC có cấu trúc kiểu “nan hoa – trục bánh xe” xoay quanh Trung Quốc: Ban Thư ký LMC đặt tại Trung Quốc (gắn với Bộ Ngoại giao Trung Quốc) vận hành như đầu mối phối hợp mọi hoạt động. Trung Quốc cũng lập Quỹ đặc biệt LMC (LMC Special Fund) trị giá 300 triệu USD để cung cấp các khoản viện trợ và cho vay ưu đãi nhỏ cho các nước thành viên (Hoang, 2022). Đến năm 2021, Quỹ này đã hỗ trợ thực hiện hơn 500 dự án trên nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, y tế, xóa đói giảm nghèo, môi trường.... Đáng lưu ý, việc thẩm định và giải ngân quỹ hoàn toàn do Trung Quốc quyết định song phương với từng nước, giúp Trung Quốc linh hoạt “ghi điểm” với từng bên. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn lập Trung tâm hợp tác nguồn nước LMC và nhiều trung tâm khác về môi trường, đào tạo nhân lực... đặt tại Trung Quốc để lôi kéo cán bộ, giới trẻ các nước tham gia, qua đó quảng bá cách tiếp cận và quan điểm của Trung Quốc về phát triển sông Mê Kông (Hoang, 2022).

Nhìn chung, LMC mang dấu ấn rõ nét của “chủ nghĩa đa phương kiểu Trung Quốc”, đó là đề cao hợp tác nhưng bảo vệ nguyên tắc chủ quyền tuyệt đối về tài nguyên nước, nhấn mạnh phát triển kinh tế hơn là các tiêu chuẩn môi trường, và né tránh thảo luận về các vấn đề nhạy cảm như tác động tiêu cực của đập thủy điện (Hoang, 2022). Thông qua LMC, Trung Quốc vừa thể hiện vai trò “nhà tài trợ hào phóng” thúc đẩy thịnh vượng khu vực, vừa định hướng dư luận có lợi cho mình trong vấn đề quản lý sông Mê Kông, tạo đối trọng với các sáng kiến của Hoa Kỳ và các nước EU, Nhật Bản... (Hoang, 2022). Có thể nói, LMC là một công cụ địa chiến lược quan trọng để Trung Quốc “hợp thức hóa” ảnh hưởng thượng nguồn, duy trì quyền kiểm soát dòng chảy theo cách có lợi cho mình, đồng thời tranh thủ cảm tình của láng giềng thông qua hợp tác kinh tế.

Bên cạnh hợp tác thể chế qua LMC, Trung Quốc còn mở rộng ảnh hưởng tại tiểu vùng sông Mê Kông thông qua hàng loạt dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, năng lượng và kinh tế quy mô lớn. Đây là một phần trong chiến lược Vành đai và Con đường (BRI) nhằm kết nối Trung Quốc với Đông Nam Á. Chẳng hạn, tại Lào, Trung Quốc đã hỗ trợ xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Lào – Trung trị giá 5,9 tỷ USD, khánh thành cuối năm 2021, nối thủ đô Viêng Chăn của Lào với thành phố Côn Minh (Trung Quốc) (VOAnews, 2024). Ngoài đường sắt, Trung Quốc còn đầu tư mạnh vào đường bộ, đặc khu kinh tế và viễn thông tại Lào, biến Lào trở thành một “mắt xích” quan trọng trong mạng lưới kết nối lục địa do Trung Quốc dẫn dắt. Tại Campuchia, Trung Quốc là nhà đầu tư và viện trợ lớn nhất, rót vốn vào nhiều dự án như cao tốc Phnom Penh – Sihanoukville, các đập thủy điện (ví dụ: đập Hạ Sesan 2 công suất 400 MW), và đặc khu kinh tế Sihanoukville.... Tại Myanmar, Trung Quốc thúc đẩy Hành lang kinh tế Trung Quốc – Myanmar (CMEC) với các dự án như cảng nước

sâu Kyaukpyu ở vịnh Bengal, đường ống dầu khí Myanmar – Trung Quốc (hoàn thành năm 2017) và kế hoạch đường sắt cao tốc từ Vân Nam (Trung Quốc) tới Yangon (Myanmar)....

Trung Quốc không chỉ mở rộng ảnh hưởng kinh tế mà còn tìm cách gia tăng hiện diện an ninh tại tiểu vùng Mê Kông. Từ năm 2011, Trung Quốc đã đề xuất và tham gia các cuộc tuần tra chung trên sông Mê Kông cùng Lào, Myanmar, Thái Lan (sau sự kiện 13 thủy thủ Trung Quốc bị giết hại trên vùng sông thuộc Thái Lan) (Seth & Seah, 2021). Tuy nhiên, Thái Lan tỏ ra dè dặt, Thái Lan đến nay vẫn từ chối cho phép tàu vũ trang Trung Quốc đi sâu vào lãnh thổ Thái Lan trên sông Mê Kông với lo ngại điều đó sẽ mở rộng tầm với chiến lược của Trung Quốc vào đất liền Đông Nam Á (Seth & Seah, 2021). Trung Quốc cũng bị nghi ngờ trong việc hỗ trợ xây dựng một cơ sở hải quân tại cảng Ream tại Campuchia – động thái mà nếu xác thực sẽ đánh dấu hiện diện quân sự thường trực đầu tiên của Trung Quốc tại Đông Nam Á, gây lo ngại cho Hoa Kỳ và các nước khác (Jensen và cộng sự, 2023).

Tóm lại, chiến lược của Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông là kết hợp sức mạnh kinh tế và sự hiện diện thể chế để củng cố ảnh hưởng lâu dài. Trung Quốc tài trợ các dự án hạ tầng quan trọng, đầu tư mạnh vào năng lượng và nông nghiệp. Trung Quốc hiện là nhà đầu tư lớn nhất vào các dự án thủy điện ở Lào và Campuchia (Phạm Xuân Dũng, 2025), đồng thời sử dụng các công cụ ngoại giao như LMC để định hướng luật chơi khu vực theo lợi ích của mình. Chính sách này đã mang lại cho Trung Quốc ảnh hưởng chưa từng có tại một số nước như Lào và Campuchia, song cũng gặp sự cảnh giác tại những nước khác như Việt Nam, Thái Lan. Sự gia tăng hiện diện toàn diện của Trung Quốc tại Mê Kông khiến các nước cạnh tranh chiến lược như Hoa Kỳ, Nhật và gần đây là EU phải đề ra đối sách để cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực.

4. Chiến lược của EU tại tiểu vùng sông Mê Kông

Liên minh châu Âu từ lâu đã quan tâm hỗ trợ phát triển các nước Đông Nam Á, nhưng chỉ trong những năm gần đây EU mới định hình một chiến lược rõ ràng cho tiểu vùng Mê Kông. Một bước ngoặt quan trọng là việc EU và ASEAN nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược năm 2020, mở đường cho hợp tác sâu rộng hơn trong các vấn đề khu vực (EC, 2024). Trong khuôn khổ này, EU cam kết lồng ghép hỗ trợ tiểu vùng sông Mê Kông vào chính sách chung với Đông Nam Á, coi đây là phần trọng yếu để đảm bảo ổn định và phát triển bền vững cho ASEAN nói riêng và Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nói chung.

EU không phải là một “cường quốc” ngay sát khu vực như Trung Quốc, nhưng đóng góp của EU về viện trợ phát triển cho các nước Mê Kông thuộc hàng lớn nhất. Nhiều năm qua, EU và các nước thành viên, đặc biệt là Đức, Pháp là đối tác hàng đầu hỗ trợ cho Ủy hội sông Mê Kông (MRC) – tổ chức liên chính phủ của 4 nước hạ nguồn như Lào, Campuchia, Thái Lan, Việt Nam chuyên về quản lý tài nguyên nước sông Mê Kông. EU coi MRC là tổ chức quan trọng thúc đẩy hợp tác khu vực và quản trị dựa trên luật lệ trong lưu vực (Lê Ngọc Sơn, 2022). EU đã tài trợ một khoản 5 triệu Euro (giai đoạn 2016–2022) cho MRC nhằm hỗ trợ xây dựng năng lực quản lý tổng hợp tài nguyên nước và phát triển bền vững hạ lưu vực (Lê Ngọc Sơn, 2022). Ngoài ra, EU cùng các nước thành viên như Đức thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm quản lý lưu vực sông, tương tự kinh nghiệm sông Danube, sông Rhine ở châu Âu) cho MRC (GIZ, 2025). Sự cam kết này thể hiện EU mong muốn các nước Mê Kông hợp tác minh bạch, có cơ chế tham vấn lẫn nhau trước các dự án lớn – điều mà Trung Quốc né tránh trong LMC.

Bên cạnh thông qua các dự án cho ASEAN và MRC, EU còn triển khai các chương trình hợp tác trực tiếp với từng quốc gia Mê Kông. Tháng 12/2021, EU thông qua Chương trình hợp tác phát triển đa niên 2021–2027 với từng nước Campuchia, Lào, Việt Nam, Thái Lan, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như: quản trị và pháp quyền, phát triển xanh và bao trùm, giáo dục – dạy nghề, và hội nhập khu vực (Lê Ngọc Sơn, 2022). EU cũng tích cực sử dụng công cụ Hiệp định thương mại để gắn kết với khu vực: EU đã ký FTA với Việt Nam, có hiệu lực 2020 và Singapore, đang đàm phán lại với Thái Lan, dự kiến tiến tới FTA với ASEAN trong tương lai. Thông qua thương mại – đầu tư, EU muốn tạo động lực kinh tế cho phát triển bền vững tại các nước Mê Kông và giảm phụ thuộc của họ vào thị trường Trung Quốc.

Năm 2021, EU công bố Chiến lược hợp tác tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và sáng kiến Cửa ngõ Toàn cầu (Global Gateway), thể hiện bước chuyển mạnh mẽ hướng tới khu vực đang trỗi dậy này (Lê Ngọc Sơn, 2022). Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của EU nhấn mạnh việc tăng cường hiện diện của EU trong các vấn đề an ninh – kinh tế khu vực một cách toàn diện, còn Global Gateway với ngân sách huy động 300 tỷ Euro toàn cầu đặt mục tiêu cung cấp hạ tầng chất lượng cao, bền vững như một đối trọng với BRI của Trung Quốc (Okano-Heijmans, 2024). Tiểu vùng sông Mê Kông được EU xác định là một ưu tiên trong triển khai các chiến lược này do tầm quan trọng chiến lược và những thách thức đòi hỏi giải pháp quốc tế về biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phục hồi hậu COVID-19... (SEI, 2022). Thực tế, EU đã lần đầu tiên tổ chức “Hội nghị Hợp tác EU – Mekong” tại Hà Nội vào tháng 10/2021, với sự tham dự của các Đại sứ EU tại tiểu vùng và quan chức các nước để thảo luận định hướng hợp tác mới. Tại hội nghị, đại diện EU khẳng định mong muốn tăng cường gắn kết với tiểu vùng Mê Kông, thúc đẩy đầu tư theo hình thức hợp tác công-tư vào tăng trưởng xanh và hỗ trợ phục hồi công bằng sau đại dịch (Lê Ngọc Sơn, 2022). Điều này cho thấy EU đã có nhận thức chiến lược về vị trí của Mê Kông trong bức tranh địa chính trị Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, thay vì chỉ coi đây là địa bàn viện trợ đơn thuần như trước.

Khác với cách tiếp cận thiên về đầu tư hạ tầng của Trung Quốc, EU nhấn mạnh vào hợp tác phát triển toàn diện và bền vững, đặc biệt chú trọng vào các giá trị về nhân quyền, quản trị tốt và bảo vệ môi trường. Trong tiểu vùng Mê Kông, EU tài trợ nhiều chương trình nhằm nâng cao năng lực thể chế, pháp quyền, cũng như hỗ trợ các nhóm dễ tổn thương. Về quyền con người và quản trị, EU thông qua các công cụ như Sáng kiến Tư pháp đã triển khai ở Việt Nam, Myanmar, dự án hỗ trợ cơ quan lập pháp và xã hội dân sự tại Campuchia, Lào. EU cũng lồng ghép điều kiện nhân quyền trong quan hệ thương mại – điển hình là cơ chế “mọi thứ trừ vũ khí” (Everything But Arms - EBA) dành cho các nước kém phát triển. Trường hợp Campuchia, do lo ngại vi phạm nhân quyền, EU đã rút một phần ưu đãi EBA vào tháng 8/2020, đã áp thuế trở lại mức 20% hàng xuất khẩu Campuchia vào EU (Turton, 2020). Mặc dù động thái này gây căng thẳng quan hệ với Campuchia, EU khẳng định nguyên tắc gắn phát triển kinh tế với tiến bộ về nhân quyền và dân chủ. Tương tự, sau đảo chính của giới quân sự Myanmar (2021), EU đã đình chỉ mọi hỗ trợ tài chính trực tiếp cho chính quyền Myanmar và áp đặt các gói trừng phạt cá nhân đối với tướng lĩnh quân đội (EC, 2024). Đại diện cấp cao EU Josep Borrell thẳng thắn chỉ trích Trung Quốc và Nga cản trở phản ứng quốc tế với Myanmar, cho thấy EU sẵn sàng đứng trên lập trường giá trị ngay cả khi gặp cạnh tranh địa chiến lược (Abnett, 2021).

Về phát triển bền vững và môi trường, EU tài trợ nhiều dự án ở cấp khu vực lẫn từng nước. Chẳng hạn, EU đã dành nguồn lực bảo tồn hệ sinh thái hồ Tonle Sap ở Campuchia – hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á, thông qua các chương trình bảo vệ đa dạng sinh học và sinh kế bền vững cho ngư dân (EC, 2021). Tại Lào và Myanmar, EU (cùng Đức) hỗ trợ sáng kiến “Hợp tác nước xuyên biên giới” nhằm quản lý tốt hơn các lưu vực sông chung trong tiểu vùng (Greatermekongsubregion, 2018). Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, EU triển khai dự án hỗ trợ hội nhập ASEAN (ARISE Plus) hỗ trợ kết nối và thương mại bền vững, trong đó tiểu vùng sông Mê Kông được hưởng lợi qua việc cải thiện hạ tầng cửa khẩu và tiêu chuẩn an toàn nông sản. EU cũng là đối tác lớn giúp các nước Mê Kông ứng phó biến đổi khí hậu. EU tài trợ chương trình Sử dụng Bền vững Đất than bùn và Giảm thiểu Khói mù tại ASEAN (Sustainable Use of Peatlands and Haze Mitigation in ASEAN – SUPA) bảo vệ rừng đầu nguồn, dự án WeCARE về nông nghiệp thông minh khí hậu, và nhiều khoản viện trợ không hoàn lại cho Quỹ Khí hậu Xanh tại Việt Nam.

Lĩnh vực giáo dục, văn hóa cũng được EU chú trọng nhằm tăng cường sức mạnh mềm và gắn kết nhân dân với nhau. Hàng năm, EU cấp nhiều học bổng Erasmus+ cho sinh viên các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông sang học tập tại châu Âu, đồng thời hỗ trợ các trường đại học trong vùng nâng cao chất lượng đào tạo. Các Trung tâm văn hóa của Pháp, Đức, Anh (thành viên EU trước Brexit) tích cực hoạt động, giảng dạy tiếng châu Âu và tổ chức sự kiện giao lưu. EU tin rằng thông qua hợp tác nhân dân và nâng cao năng lực con người, họ có thể đóng góp vào sự phát triển dài hạn cũng như tạo thiện cảm với các xã hội Mê Kông – điều mà Trung Quốc ít làm hơn. Đặc biệt, năm 2021, EU khởi xướng *Sáng kiến châu Âu về phát triển xanh ở ASEAN*, trong đó

Mekong là trọng điểm hưởng lợi các dự án như năng lượng tái tạo, thành phố bền vững và kinh tế tuần hoàn. EU khuyến khích các doanh nghiệp châu Âu đầu tư “xanh” vào Mê Kông, như phát triển điện mặt trời, điện gió... chẳng hạn công ty Pháp đầu tư trang trại điện gió ngoài khơi ở Việt Nam. Thông điệp EU muốn gửi gắm là phát triển kinh tế không nhất thiết gây hại môi trường và xã hội, và EU sẵn sàng hỗ trợ con đường phát triển bền vững đó, khác với mô hình tăng trưởng bằng mọi giá.

Tuy nhiên, EU cũng nhận thức được những giới hạn trong cách tiếp cận của mình. Việc gắn điều kiện “nhân quyền” đôi khi làm giảm ảnh hưởng của EU khi chính phủ sở tại phản ứng như Campuchia “ngả hẳn” sang Trung Quốc. Các chương trình phát triển của EU thường không mang lại “đòn bẩy” chính trị lập tức như những dự án hạ tầng lớn của Trung Quốc. Ví dụ, người dân thường dễ thấy đường sá, cầu cống do Trung Quốc xây hơn là những khóa tập huấn về quản trị EU tài trợ. Hơn nữa, quy mô tài chính mà EU cung cấp cho Mê Kông vẫn còn nhỏ so với nhu cầu. Tổng viện trợ châu Âu cho 4 nước MRC chỉ vài trăm triệu Euro giai đoạn 7 năm, trong khi Trung Quốc cam kết hàng tỷ USD cho các dự án BRI. Điều này đặt ra thách thức cho EU trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng khi Trung Quốc sẵn sàng cho các nước tiểu vùng viện trợ, cho vay tài chính lên đến hàng tỷ đô la.

5. Điểm tương đồng và khác biệt của EU và Trung Quốc trong tiếp cận tiểu vùng sông Mê Kông

Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU – Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông trong thời gian tới sẽ còn tiếp diễn và có xu hướng gia tăng, không trực diện hoàn toàn mà đan xen hợp tác cục bộ, phản ánh cạnh tranh rộng hơn giữa hai bên trên bình diện toàn cầu.

Về phía EU, chính sách Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đã được triển khai đã cho thấy rõ, EU tiếp tục chú ý cho tiểu vùng sông Mê Kông bằng việc đưa vào chương trình nghị sự cao hơn. EU có thể không so được với Trung Quốc về tiền bạc, nhưng sẽ phối hợp chặt hơn với các đối tác như Hoa Kỳ, Nhật, Australia, Ấn Độ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển và hợp tác với khu vực này. EU sẽ tham gia tích cực hơn trong các khuôn khổ đa phương như Nhóm Đối tác Mekong – Hoa Kỳ (MUSP) hoặc Mekong- Nhật Bản để tăng sức ảnh hưởng gián tiếp. EU cũng có thể sử dụng Chiến lược Cổng toàn cầu (Global Gateway) để tài trợ một số dự án hạ tầng “hình mẫu” ở Mekong nhằm khẳng định vị thế (ví dụ: một cây cầu giữa Thái Lan – Lào xây theo tiêu chuẩn châu Âu, hoặc tuyến điện truyền tải nối Việt Nam – Campuchia). Nếu thực hiện những dự án này, EU vừa tạo dấu ấn hữu hình cạnh tranh với BRI, vừa quảng bá được cách làm “không gây nợ, không hại môi trường”. Triển vọng cũng mở ra cho hợp tác EU – Trung Quốc trên phạm vi chọn lọc. Dù cạnh tranh là chủ đạo, hai bên có thể tìm thấy điểm chung ở vấn đề kỹ thuật, phi chính trị. Thí dụ, EU và Trung Quốc đều quan tâm ứng phó biến đổi khí hậu, vậy có thể cùng tài trợ một nghiên cứu về tác động lũ lụt vùng Mê Kông. EU đã có Mekong Delta Plan cho Việt Nam, Trung Quốc có Lancang-Mekong Environmental Co-op. Sự hợp tác này tuy nhỏ nhưng gửi tín hiệu tích cực và trực tiếp có lợi cho khu vực.

Chiến lược của EU tại tiểu vùng sông Mê Kông có những giới hạn cố hữu nhưng cũng mở ra cơ hội riêng dựa trên lợi thế của châu Âu. EU không thể cạnh tranh sòng phẳng về lượng tiền đầu tư cơ sở hạ tầng với Trung Quốc. Ngay cả sáng kiến Global Gateway tham vọng huy động 300 tỷ Euro toàn cầu trong 6 năm cũng vẫn nhỏ hơn rất nhiều so với tổng vốn Trung Quốc đã đổ vào BRI (riêng Đông Nam Á đã hàng trăm tỷ USD) (Herrero, 2023). Hơn nữa, tiến độ triển khai vốn của EU thường chậm và đi kèm các yêu cầu khắt khe về thủ tục, minh bạch, khiến một số nước đang phát triển sốt ruột. Ví dụ, Thái Lan mất nhiều năm đàm phán với EU về dự án tuyến tàu điện ngầm Băng Cốc do vấn đề đấu thầu, môi trường trong khi chỉ vài tháng để chốt khoản vay từ Trung Quốc cho tuyến đường sắt cao tốc. Các nước Mê Kông đôi khi ưu tiên tốc độ và quy mô, nên dễ chọn đề nghị từ Trung Quốc hơn là từ EU. Hay EU lên án mạnh mẽ sự lãnh đạo của chính quyền quân sự ở Myanmar hay chỉ trích nhân quyền Campuchia đã vô hình trung đẩy các nước này xích lại gần Trung Quốc và có xu hướng đẩy xa EU hơn (Nikkei Asian Review, 2020)... Tuy vậy, EU cũng có những cơ hội và lợi thế riêng trong tiếp cận tiểu vùng sông Mê Kông.

Thứ nhất, uy tín về phát triển bền vững và quản trị tốt của EU rất cao. Nhiều người dân Mê Kông ngưỡng mộ mô hình Liên minh châu Âu với sự cân bằng giữa tăng trưởng và phúc lợi xã hội, pháp quyền. Do đó, các dự án EU tài trợ về giáo dục, y tế, môi trường tuy không “ồn ào” nhưng

tạo dựng niềm tin và thiện cảm lâu dài. Chẳng hạn, nông dân và ngư dân ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam được hưởng lợi từ dự án quản lý nước thích ứng với biến đổi khí hậu do EU và Đức tài trợ. Họ đã đánh giá cao sự hữu ích của chuyên gia châu Âu trong việc giúp họ ứng phó hạn mặn. Những tác động ở cấp cộng đồng như vậy chính là thế mạnh của EU so với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng từ Trung Quốc.

Thứ hai, EU không mang lại “gánh nặng” và tham vọng áp đặt lợi ích như Trung Quốc đối với các quốc gia Đông Nam Á, nên được xem là đối tác trung lập, ít đe dọa. Sự hiện diện của EU không làm dấy lên lo ngại về can thiệp chủ quyền hay áp đặt chính trị. Điều này giúp EU có cơ hội đóng vai trò “trung gian đáng tin cậy” trong các vấn đề khu vực. Ví dụ, EU có thể tài trợ nghiên cứu chung về tác động môi trường của các dự án trên sông Mê Kông mà không nước nào nghi ngờ động cơ. EU cũng đã cùng Australia, Nhật Bản, Hoa Kỳ lập nhóm “Bạn bè của hạ nguồn Mê Kông” (Friends of the Mekong) để phối hợp viện trợ, với sự tham gia của cả Ngân hàng Thế giới và MRC. Sự hiện diện của EU trong nhóm này góp phần đảm bảo cách tiếp cận đa phương, tôn trọng vai trò ASEAN, từ đó dễ được các nước Mekong chấp nhận hơn so với cạnh tranh giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc.

Thứ ba, EU có thể tận dụng lợi thế về công nghệ và chuẩn mực để hỗ trợ các nước Mekong chuyển đổi sang giai đoạn phát triển chất lượng cao. Hiện nay các nước này đang đứng trước ngã rẽ: hoặc tiếp tục mô hình tăng trưởng thâm dụng tài nguyên như đập thủy điện, khai mỏ, phá rừng hoặc chuyển sang mô hình xanh và sáng tạo hơn. EU có chuyên môn hàng đầu về năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, quản lý đô thị, chuyển đổi số... Nếu EU tập trung đầu tư vào những lĩnh vực này thông qua các gói hỗ trợ kỹ thuật và tài chính bằng việc kết hợp vốn ODA và vốn tư nhân châu Âu, các nước Mekong sẽ nhìn thấy lợi ích cụ thể và khác biệt từ EU. Chẳng hạn, EU đang xem xét một khoản đầu tư lớn để phát triển mạng lưới điện thông minh kết nối Lào - Việt Nam - Campuchia, giúp tối ưu hóa việc chia sẻ điện năng thay vì mỗi nước xây quá nhiều đập. Nếu thành hiện thực, dự án này sẽ vừa giảm nhu cầu đập mới vừa góp phần bảo vệ môi trường vừa tăng gắn kết kinh tế nội vùng - một kết quả “win-win” nâng cao vị thế EU.

Thứ tư, cạnh tranh địa chiến lược với Trung Quốc cũng là cơ hội để EU khẳng định vai trò. Trước đây, chính sách đối ngoại EU tại Đông Nam Á tương đối mờ nhạt, nhưng trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, EU có động lực để hành động thống nhất và mạnh mẽ hơn nhằm bảo vệ lợi ích và giá trị của mình. Tiểu vùng sông Mê Kông là phép thử cho khả năng phối hợp giữa các quốc gia thành viên EU cùng Ủy ban châu Âu đã và đang phối hợp tốt hơn trong các dự án chung ở Mekong (L.B, 2022). Nếu tận dụng tốt cơ hội này, EU vừa hỗ trợ được các nước đang phát triển, vừa nâng cao tiếng nói chiến lược của mình trong trật tự khu vực.

Có thể nói, EU tiếp cận tiểu vùng sông Mê Kông với chiến lược “sức mạnh mềm”, đề cao hợp tác phát triển bền vững và trật tự dựa trên luật lệ. Dù còn hạn chế về nguồn lực và sức ảnh hưởng chính trị so với Trung Quốc, EU đang từng bước khẳng định sự hiện diện bằng những đóng góp thiết thực và giá trị riêng. EU không tập trung vào các dự án hạ tầng “cứng”, mà ưu tiên hỗ trợ về thể chế, con người và quy tắc: từ cải thiện quản trị, nâng cao năng lực, đến thúc đẩy thương mại công bằng và phát triển bền vững. EU cũng đề cao hợp tác đa phương và “luật chơi” chung. Cuộc cạnh tranh EU - Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông vì thế diễn ra theo kiểu đối lập mô hình: mô hình phát triển bền vững toàn diện của EU so với mô hình tăng trưởng nhanh dựa trên hạ tầng của Trung Quốc.

Trong khi đó, Trung Quốc chắc chắn sẽ không thu hẹp sự hiện diện tại lưu vực sông còn ngay sát nách mình. Ngược lại, Trung Quốc có thể còn đẩy mạnh LMC trong giai đoạn tới, rót thêm vốn cho Quỹ LMC và thúc ép thực hiện các dự án BRI đang dở như đường sắt Lào - Thái giai đoạn 2, cảng Kyaukpyu. Trung Quốc cũng sẽ tìm cách “hợp thức hóa” lâu dài vị thế thượng nguồn, có thể bằng một hiệp định chia sẻ nước song phương với từng nước theo điều kiện của Trung Quốc. Mục tiêu của Trung Quốc là khóa chặt sự gắn kết kinh tế của Lào, Campuchia, Myanmar với mình, đồng thời vô hiệu hóa mọi nỗ lực bên ngoài can dự vào các quyết định nguồn nước. Do đó, ta có thể dự báo Trung Quốc sẽ gia tăng “cạnh tranh mềm” với EU: chẳng hạn đẩy mạnh ngoại giao xanh như cam kết xả nước mùa khô, trồng cây xanh hai bên bờ sông để lấy lòng dư luận, nhưng thực chất không nhượng bộ quản lý chung. Trung Quốc cũng có thể lôi kéo Thái Lan mạnh hơn vào LMC, như một cách cô lập tiếng nói chỉ trích từ Việt Nam trong MRC.

Cách tiếp cận của Trung Quốc chủ yếu dựa vào “sức mạnh cứng” (hard power) – tức sức mạnh kinh tế và một phần sức mạnh quân sự – để gia tăng ảnh hưởng đối với các nước tiểu vùng sông Mê Kông. Trung Quốc sẵn sàng huy động nguồn vốn lớn, các doanh nghiệp nhà nước và năng lực xây dựng nhanh nhằm triển khai các dự án cơ sở hạ tầng chiến lược (đường sá, đập thủy điện, đường sắt, cảng biển). Cùng với đó, Trung Quốc sử dụng quyền lực chính trị ở thượng nguồn sông Mê Kông nhằm kiểm soát dòng chảy như một lợi thế đàm phán. Cách tiếp cận của Trung Quốc mang tính nhà nước trọng tâm, từ trên xuống: làm việc trực tiếp với các chính phủ, ký các thỏa thuận lớn và ít quan tâm đến các tiêu chuẩn về công khai, minh bạch hay tham vấn cộng đồng. Điều này cho phép Trung Quốc đạt được những kết quả nhanh và hữu hình – chẳng hạn xây xong một cây cầu hoặc cấp khoản vay hàng trăm triệu USD trong thời gian ngắn – từ đó tạo dựng ảnh hưởng trực tiếp lên giới cầm quyền nước sở tại. Tuy nhiên, cách làm này của Trung Quốc cũng đi kèm nguy cơ gây phụ thuộc và tác động tiêu cực như phụ thuộc về khoản vay nợ, về chính sách thì nước nhận khó phản đối Trung Quốc và tác động xấu tới môi trường hoặc xã hội địa phương do dự án thiếu đánh giá bền vững. Trung Quốc dường như chấp nhận những hệ quả đó miễn là đạt được mục tiêu chiến lược – đúng như cách một cường quốc “thực dụng” theo đuổi lợi ích.

Một yếu tố quan trọng chi phối triển vọng là quan hệ tổng thể EU – Trung Quốc. Nếu quan hệ này xấu đi do các vấn đề như Đài Loan, nhân quyền Tân Cương, cuộc xung đột ở Ukraina, sự hợp tác tại Mê Kông càng khó xảy ra. Trong kịch bản xấu, Mê Kông có thể trở thành một đấu trường “ủy nhiệm” nơi EU tăng cường liên minh với Hoa Kỳ, Nhật để “kiềm chế” ảnh hưởng Trung Quốc, còn Trung Quốc thì dùng Campuchia, Lào làm “tiền đồn” cản trở phương Tây. Khi đó, các diễn đàn như ASEAN hay MRC có nguy cơ bị chia rẽ sâu sắc bởi cạnh tranh phe phái. Dẫu vậy, kịch bản này có lẽ khó thành hiện thực hoàn toàn, vì EU vẫn khác Hoa Kỳ ở chỗ ưa chuộng cách tiếp cận hòa dịu và hợp tác với Trung Quốc khi có thể. EU nhiều khả năng tiếp tục vừa cạnh tranh vừa đối thoại với Trung Quốc tại châu Á. Do đó, ở Mê Kông, ta có thể thấy một sự cân bằng tinh tế: EU phản đối những hành vi gây tổn hại (như thiếu minh bạch nước, quân sự hóa) nhưng vẫn khuyến khích Trung Quốc đóng góp phát triển vùng (chẳng hạn cùng tài trợ vắc-xin COVID hoặc cứu trợ thiên tai). Mục tiêu sau cùng của EU là duy trì trật tự đa phương mở, nơi cả Trung Quốc cũng phải tuân theo luật chơi chung, thay vì loại bỏ Trung Quốc – điều không thực tế.

6. Kết luận

Cạnh tranh giữa EU – Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông vừa là cuộc đọ sức mô hình phát triển, vừa ẩn chứa mâu thuẫn lợi ích chiến lược. Trung Quốc bảo vệ lợi ích quốc gia như kiểm soát tài nguyên, xây căn cứ, EU bảo vệ luật lệ quốc tế và giá trị phổ quát – hai bên khó dung hòa hoàn toàn. Phản ứng của các nước và người dân địa phương bị chi phối bởi nhận thức ai mang lại lợi ích thiết thực hơn và ít đe dọa hơn. Hiện tại, Trung Quốc đương “thắng thế” về phương diện kinh tế ngắn hạn, nhưng EU đang xây dựng ảnh hưởng về dài hạn thông qua việc chinh phục “trái tim và khối óc” của người dân và thế hệ trẻ tiểu vùng sông Mê Kông. Sự cạnh tranh này sẽ còn tiếp diễn và phụ thuộc nhiều vào việc bên nào thể hiện được rằng mình mới thực sự đóng góp cho phát triển bền vững và chủ quyền quốc gia của các nước tiểu vùng.

Cạnh tranh địa chiến lược tại tiểu vùng sông Mê Kông đã tác động sâu sắc đến an ninh, kinh tế, môi trường của khu vực. Nó đặt ra nguy cơ về an ninh phi truyền thống (như an ninh nguồn nước, an ninh lương thực), về ổn định chính trị (khi một số nước nghiêng hẳn về một phía), và bền vững môi trường (do phát triển thiếu kiểm soát). Đồng thời, nó cũng tạo động lực cho các sáng kiến hợp tác mới và sự thức tỉnh của các quốc gia trong việc bảo vệ lợi ích dân tộc. Tiểu vùng sông Mê Kông đang ở điểm nút hoặc sẽ tận dụng được cuộc cạnh tranh để thúc đẩy phát triển cân bằng, hoặc sẽ trở thành nạn nhân của cạnh tranh và rơi vào bẫy xung đột lợi ích.

Chú thích:

(1) Tiểu vùng sông Mê Kông, kết hợp với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc được gọi Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS).

Ghi chú: Đây là kết quả nghiên cứu Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ Quốc gia: “Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của một số nước lớn từ tháng 2/2022 đến năm 2030 và đối sách của Việt Nam”, Mã số: KX.06.01/21-30.

Tài liệu tham khảo

Herrero, A. G. (2023). David and Goliath: EU Global Gateway versus China's belt and road initiative. Truy xuất tại: <https://www.bruegel.org>, ngày 10/4/2025.

Jensen, B., Runde, D. F., Bryja, T. (2023). The Waterfall's Shadow in the Mekong Region: Insights on Water Programs and Infrastructure Competition in the Twenty-First Century. Truy xuất tại: <https://www.csis.org>, ngày 10/4/2025.

EC (2021). EU-funded projects help protect Tonle Sap's delicate biodiversity. Truy xuất tại: <https://international-partnerships.ec.europa.eu>, ngày 10/4/2025.

EC (2024). EU-ASEAN Strategic Partnership Blue Book 2024-2025. Truy xuất tại: <https://www.eeas.europa.eu>, ngày 10/3/2025.

Figiaconi, F. (2020). Geopolitical Competition in the Indo-Pacific: The Mekong Region. Truy xuất tại: <https://www.ispionline.it>, ngày 10/3/2025.

Seth, F. N., & Seah, S. (2021). The ASEAN-China partnership: balancing merits and demerits. ISEAS Yusok Ishak Institute, No.120/2021

Greatermekongsubregion (2018). Germany, EU Support Cross-Border Water Cooperation in the Greater Mekong Subregion. Truy xuất tại: <https://greatermekong.org/g/germany-eu-support-cross-border-water-cooperation-greater-mekong-subregion#:~:text=Germany%2C%20EU%20Support%20Cross,primarily%20to%20promote%20and>, ngày 10/4/2025.

GIZ (2025). Supporting the Mekong River Commission (MRC) in improving water management: Transboundary Water Cooperation in the Lower Mekong Basin. Truy xuất tại: <https://www.giz.de/en/worldwide/142752.html>, ngày 10/4/2025.

Hoang, T. H. (2022). *China's Hydro-politics Through the Lancang-Mekong Cooperation*. ISEAS-Yusof Ishak Institute.

Abnett, K. (2021). China, Russia Undermine International Myanmar Response, EU's Top Diplomat Says. *Reuters*, April, 11.

L.B (2022). EU – Mekong cooperation conference” held in Vietnam for the first time. Truy xuất tại: <https://en.cand.com.vn>, ngày 10/4/2025.

Lê Ngọc Sơn (2022). EU – Mekong cooperation conference held in Vietnam for the first time. Báo Công an Nhân dân (CAND), 28/10/2022. Truy xuất tại: <https://en.cand.com.vn>, ngày 10/3/2025.

Okano-Heijmans, M. (2024). The EU's connectivity strategy 2.0: Global gateway in the indo-Pacific. *The transformation of the Liberal international order*, 23-53.

Nikkei Asian Review (2020). Cambodia loses EU trade privileges as it rushes FTA with China. Truy xuất tại: <https://www.bilaterals.org>, ngày 10/3/2025.

Phạm Xuân Dũng (2025). Vietnam's Response to Controversial Mekong Projects in China, Laos, and Cambodia. Truy xuất tại: <https://www.ispionline.it>, ngày 10/4/2025.

SEI (2022). EU-Mekong Cooperation Conference. Truy xuất từ: <https://www.sei.org/events/eu-mekong-cooperation-conference/>, ngày 10/4/2025.

Turton, S. (2020). Cambodia loses EU trade privileges as it rushes FTA with China. *Nikkei Asian Review*. Truy xuất tại: <https://www.bilaterals.org>, ngày 10/4/2025.

VOAnews (2024). China-financed Laos railway expands Beijing's reach in Southeast Asia. Truy xuất tại: <https://www.voanews.com>, ngày 10/3/2025.